

MỘT SỐ LÝ THUYẾT ĐỊA CHÍNH TRỊ TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN VĂN DÂN^(*)

Trong lịch sử thế giới, các học thuyết địa chính trị có một vị trí quan trọng trong việc phát triển đất nước và tạo lập vị thế quốc tế. Từ cuối thế kỷ XIX, các lý thuyết địa chính trị và địa chiến lược đã được nhiều quốc gia quan tâm, đặc biệt là các cường quốc lớn. Trong lĩnh vực này đã hình thành nhiều quan điểm và lý thuyết theo nhiều hướng khác nhau. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu một số lý thuyết quan trọng thuộc xu hướng địa chính trị hợp nhất.

1. Lý thuyết sức mạnh biển của Alfred Thayer Mahan

Năm 1890, Alfred Mahan, thiếu tướng hải quân Hoa Kỳ (1840-1914), đã cho xuất bản cuốn sách *Ảnh hưởng của sức mạnh biển đối với lịch sử, giai đoạn 1660-1783* [*The Influence of Sea Power upon History, 1660-1783*], trong đó ông đề cao vai trò sức mạnh biển của một quốc gia trong chiến lược phát triển và thực chất là bành trướng đất nước. Xét theo góc độ cụ thể của chiến lược phát triển quốc gia, đây có thể được coi là một quan điểm địa chiến lược. Quan điểm đề cao sức mạnh biển của Mahan đã ảnh hưởng đến chiến lược phòng vệ và bành trướng của Hoa Kỳ, Đức, Pháp và Nhật Bản về sau.

Tướng Mahan cho rằng, mặc dù biển cả có những mối nguy hiểm, nhưng giao thông và buôn bán bằng đường biển vẫn dễ dàng hơn và rẻ hơn so với đường bộ. Đó là vì đường biển có một phạm vi mở rộng, không phải xây dựng như đường bộ và trên đó các phương tiện có thể tự do di chuyển theo mọi hướng. Lợi thế của việc vận tải bằng đường thủy so với đường bộ còn tỏ ra rõ rệt hơn trong thời kỳ khi mà đường bộ vẫn còn ít được xây dựng và chất lượng đường bộ còn xấu, chiến tranh thường xảy ra và xã hội chưa ổn định, đó là trường hợp cách thời của Mahan hai trăm năm. Khi đó, mặc dù việc buôn bán bằng đường biển vẫn có nguy cơ bị cướp bóc, nhưng nó vẫn an toàn hơn và nhanh hơn so với bằng đường bộ.

Đến thời Mahan, tức cuối thế kỷ XIX, thương mại trong nước chỉ là một bộ phận của nền thương mại của một nước có biên giới trông ra biển. Mọi sự giao thương với bên ngoài đều được tiến hành thông qua các hải cảng của đất nước, và mỗi quốc gia đều muốn việc buôn bán bằng tàu biển của mình được tiến hành bằng chính những con tàu của đất nước mình. Ngoài ra, việc buôn

^(*) PGS. TS., Phó Viện trưởng Viện Thông tin KHXH.

bán bằng tàu biển đó lại đòi hỏi các hải cảng và hành trình buôn bán của tàu biển cần được đất nước bảo vệ. Trong thời gian chiến tranh, trách nhiệm bảo vệ này cần được mở rộng cho lực lượng tàu chiến. Như vậy, theo Mahan, yêu cầu phải có một lực lượng hải quân xuất phát từ sự tồn tại của việc vận tải bằng một đội tàu biển thương mại hoà bình.

Để đảm bảo cho việc vận tải bằng tàu biển, các quốc gia đều có xu hướng tìm kiếm và xây dựng cho mình những đồn bốt tiền tiêu dọc đường đi. Và thế là quá trình thực dân hoá và thành lập các thuộc địa đã diễn ra để đảm bảo cho các đế quốc biển có được một nền giao thương trên biển vững mạnh.

Tướng Mahan rất quan tâm đến sức mạnh biển và đến sự làm chủ trên biển của một quốc gia. Theo ông, một quốc gia có sức mạnh biển thì sẽ trở thành một cường quốc hùng mạnh. Và trong quan điểm của ông, sức mạnh biển của một quốc gia chủ yếu được quy giản thành sức mạnh hải quân.

Ban đầu hải quân Hoa Kỳ đã phản đối việc thay tàu buồm bằng tàu hơi nước sau cuộc nội chiến. Tuy nhiên, Mahan đã cho rằng chỉ có các tàu chiến bọc thép mới có thể có vai trò quyết định trong một cuộc chiến tranh hiện đại. Công trình của Mahan đã khuyến khích sự cải thiện kỹ thuật bằng cách thuyết phục những người phản đối rằng kiến thức và chiến lược hải quân vẫn là cần thiết, nhưng sự thống trị biển đã dẫn đến yêu cầu phải tăng tốc và phát triển động cơ hơi nước.

Với những đóng góp quan trọng của mình cho lý thuyết và thực hành địa chính trị, Mahan đã được nhà sử học quân sự hiện đại người Anh John Keegan coi là “nhà chiến lược Hoa Kỳ có vị trí quan trọng nhất ở thế kỷ XIX”.

2. Lý thuyết địa chính trị về “không gian sinh tồn”

Lý thuyết địa chính trị đã nhận được sự đóng góp quan trọng của khoa học địa lý. Rất nhiều nhà địa lý học đã đưa ra được những lý thuyết liên quan chặt chẽ đến chính trị và an ninh quốc gia. Đó là trường hợp của nhà địa lý học người Đức Friedrich Ratzel (1844-1904), người đã có ảnh hưởng mạnh trong giới địa chính trị ở nửa cuối thế kỷ XIX.

Là người chịu ảnh hưởng của nhà sinh vật học Darwin và nhà động vật học Ernst Heinrich Haeckel, Ratzel đã xuất bản nhiều bài viết và tạo nền tảng cho ngành địa lý học nhân văn. Năm 1897, ông xuất bản công trình *Địa lý học chính trị*, trong đó ông sử dụng nhiều khái niệm để sau này góp phần hình thành quan điểm của ông về *không gian sinh tồn* và về học thuyết Darwin xã hội.

Đóng góp chủ chốt của Ratzel cho lý thuyết địa chính trị của Đức là sự mở rộng sang quan niệm mang tính sinh học về địa lý, tức là ông cho rằng không có quan niệm tĩnh về đường biên giới. Quan niệm này được thể hiện trong bài tiểu luận viết năm 1901 tập trung bàn về *không gian sinh tồn* và được mang tên tiếng Đức là *Lebensraum*. Ông cho rằng quốc gia là một cơ thể hữu cơ đang phát triển, vì thế biên giới của nó mang tính động chứ không phải tĩnh, và sự mở rộng bờ cõi của một quốc gia sẽ thể hiện sức khoẻ của quốc gia đó. Với quan niệm như vậy, ông đã đặt nền móng cho một xu hướng lý thuyết địa chính trị mang tính bành trướng đặc thù của người Đức, sau đó được gọi bằng tiếng Đức là *Geopolitik*.

Đến năm 1900, trong cuốn sách *Nhập môn địa lý Thuyết Địa*, nhà khoa học chính trị người Thụy Điển Rudolf Kjellén (1864-1922) lần đầu tiên đã đưa

ra thuật ngữ “địa chính trị” [t. Anh: “*geopolitics*”]. Là học trò của Ratzel, Kjellén cũng quan niệm quốc gia như là một cơ thể sinh học, và ông nhấn mạnh đến yếu tố không gian và chính sách tự túc tự cấp của một quốc gia.

Năm 1916, Kjellén xuất bản cuốn sách *Quốc gia như là một dạng sinh vật sống*. Đây nói chung được coi là cuốn sách quan trọng nhất của ông liên quan đến địa chính trị.

Theo Kjellén, một quốc gia phải có ba đặc trưng cơ bản: *Topopolitik*, *Physiopolitik* và *Morphopolitik* [chính trị địa hình, chính trị thiên nhiên, chính trị hình thái]. Hai đặc trưng đầu liên quan mật thiết đến vị trí và không gian lãnh thổ, tức là đến yếu tố địa lý tự nhiên và con người, còn đặc trưng thứ ba liên quan đến dạng thức của một quốc gia.

Kể từ Kjellén, thuật ngữ địa chính trị được dùng phổ biến trên thế giới. Địa chính trị cũng bắt đầu được quan tâm đặc biệt, vì nó có thể được dùng để biện hộ cho tư tưởng của các nước đế quốc thời bấy giờ. Và lý thuyết của Ratzel và của Kjellén đã ảnh hưởng mạnh đến tư tưởng của nước Đức Quốc xã sau này.

Kjellén coi các quốc gia không hoàn toàn là các thực thể pháp lý mà là các quyền lực cạnh tranh nhau, trong đó các quốc gia lớn mở rộng quyền lực của mình đối với các quốc gia nhỏ, để rồi cuối cùng thế giới chỉ còn lại một ít quốc gia rất lớn mạnh. Trong công trình nói trên, Kjellén cho rằng:

“Các quốc gia có sức sống mạnh với một phạm vi chủ quyền hạn chế sẽ bị thôi thúc quyết liệt theo hướng mở rộng lãnh thổ của mình bằng công cuộc chiếm thuộc địa, liên minh với các quốc gia khác hoặc chinh phục theo nhiều kiểu

khác nhau... Đó không phải là bản năng chinh phục thô thiển, mà là xu hướng bành trướng tự nhiên và cần thiết như là một phương tiện tự bảo tồn” (1).

Kjellén định nghĩa địa chính trị là “lý thuyết nghiên cứu về quốc gia với tư cách là một cơ thể địa lý hoặc một hiện tượng trong không gian, tức là với tư cách là đất đai, lãnh thổ, khu vực hoặc đặc biệt nhất là một đất nước”, hay “nghiên cứu các chiến lược của các cơ thể chính trị trong không gian”.

Ảnh hưởng của Kjellén tỏ ra có ý nghĩa quan trọng đối với sự hình thành và phát triển tư tưởng địa chính trị của nước Đức. Cái quan niệm về không gian sinh tồn của Ratzel cộng với quan niệm động vật hoá quốc gia của Kjellén đã xuất hiện như là một cơ sở lý thuyết khoa học có khả năng biện minh cho mọi hành động bành trướng lãnh thổ của một quốc gia.

3. Lý thuyết địa chính trị “miền đất trái tim” của Mackinder

Theo nhiều nhà khoa học, từ trước đến nay chưa có ai hiểu rõ mối quan hệ quan trọng giữa địa lý với lịch sử thế giới bằng nhà địa lý học vĩ đại người Anh Huân tước Halford John Mackinder (1860-1947). Tháng 6/1887, Mackinder được bổ nhiệm làm phó giáo sư địa lý học tại Đại học Oxford. Tại đây, ông bắt đầu giảng về sự ảnh hưởng của địa lý đối với lịch sử châu Âu.

Mối đe dọa dành cho ưu thế của nước Anh và cho trật tự của thế giới đã trở thành chủ đề bài tiểu luận táo bạo của Mackinder năm 1904: “Trục địa lý của lịch sử”. Trong bài viết này ông cho rằng giờ đây (tức thời điểm đầu thế kỷ XX), “Mọi sự bùng nổ của lực lượng xã hội đều nhận được sự hô ứng từ những miền xa xôi của trái đất, và hậu quả là

những thành phần yếu kém trong cái cơ thể chính trị và kinh tế của thế giới sẽ bị tan vỡ” (trích theo: 2). Nói một cách khác, các quốc gia không còn được an toàn nếu bỏ qua các sự kiện chủ yếu xảy ra tại những nơi xa xôi của trái đất.

Mục đích công khai của Mackinder khi viết bài báo này là xác lập “một mối tương quan giữa những điều khái quát rộng lớn về địa lý với những điều khái quát rộng lớn về lịch sử” để cung cấp một công thức có khả năng biểu hiện được một số khía cạnh của mối quan hệ nhân quả địa lý trong lịch sử thế giới.

Với mục đích đó, Mackinder đã đưa ra một học thuyết nổi tiếng trong lĩnh vực địa chính trị, đó là “học thuyết về miền đất trái tim” (tiếng Anh: “Heartland Theory”, với nghĩa là “miền đất trung tâm”). Miền đất trái tim đó chính là trung tâm của lục địa Á-Âu.

Mackinder mô tả châu Âu và châu Á như là một lục địa lớn và ông gọi là hòn đảo thế giới. Ông lưu ý rằng từ thế kỷ V đến thế kỷ XVI, lần lượt các tộc người du mục từ Trung Á toả ra đi chinh phục các quốc gia và dân tộc ở vùng vành đai ngoại vi (châu Âu, Tây-Nam Á, Trung Quốc, Đông-Nam Á, Triều Tiên, Nhật Bản). Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XV, “các thủy thủ vĩ đại của thế hệ Columbus” đã sử dụng sức mạnh biển để bao vây Trung Á. Tác động chính trị rộng lớn của sự trỗi dậy của các cường quốc biển là nó làm đảo ngược mối quan hệ Á-Âu. Ông cho thấy “Nếu như vào thời trung đại, châu Âu bị bao vây giữa một sa mạc không thể vượt qua ở phía Nam, một đại dương xa lạ ở phía Tây, một vùng nước đóng băng hoặc rừng rậm ở phía Bắc và Đông-Bắc, và luôn luôn bị đe dọa bởi các tộc người kỵ mã cơ động ở phía Đông và Đông-Nam, thì giờ đây nó nổi lên mạnh mẽ, mở rộng diện tích mặt biển và vùng

đất duyên hải lên gấp hơn 30 lần, bao trùm ảnh hưởng lên cường quốc đất liền Á-Âu mà từ trước đến giờ vẫn đe dọa chính sự tồn tại của nó” (2). Tuy nhiên Mackinder còn lưu ý một điều thường ít được quan tâm là trong khi châu Âu bành trướng ra khu vực hải ngoại phía Tây, thì nước Nga nằm ở khu vực Đông Âu và Trung Á đã bành trướng xuống phía Nam và phía Đông, chiếm giữ một vùng không gian rộng lớn dồi dào nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên, từ đó tăng cường sức cơ động và tầm chiến lược của một cường quốc đất liền.

Với một cơ sở địa-lịch sử như vậy, Mackinder xác định chính cái hạt nhân Bắc-Trung của lục địa Á-Âu là “khu vực trục” hay “quốc gia trục” của nền chính trị thế giới. Nó chính là “miền đất trái tim”, hay trục, của “hòn đảo thế giới” Á-Âu. Nó được che chắn xung quanh, ngăn cách với biển cả, có khả năng tự cung tự cấp. Con đường bộ duy nhất có khả năng tiếp cận với nó là khu vực Đông Âu để từ đó có thể tiến tới làm chủ thế giới. Và ông lập luận như thế này:

Ai cai trị được Đông Âu thì sẽ không chế được miền đất trái tim;

Ai cai trị được miền đất trái tim thì sẽ không chế được hòn đảo thế giới (tức lục địa Á-Âu);

Ai cai trị được hòn đảo thế giới thì sẽ không chế được cả thế giới.

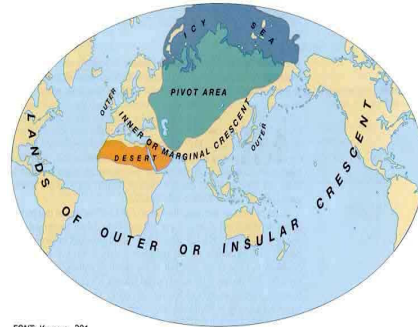
Như vậy, trong quan điểm của Mackinder, Đông Âu có vai trò chìa khoá để mở đường cho việc làm chủ toàn thế giới. Xung quanh miền đất trái tim đó, Mackinder đặt các nước Đức, Áo, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Trung Quốc, những miền đất cận kề ngay với khu vực trục, trong một “vành đai trong”, còn các quốc gia biển đảo như Anh, Nam Phi, Australia, Hoa Kỳ, Canada và

Nhật Bản được xếp vào một “vành đai bên ngoài”. Mackinder gợi ý rằng hoặc khối liên minh Nga-Đức hoặc đế quốc Trung-Nhật (sau khi xâm chiếm lãnh thổ Nga) đều có thể giành được quyền bá chủ thế giới. Trong cả hai trường hợp, “mặt tiền trông ra đại dương sẽ được bổ sung cho nguồn lực của lục địa lớn”, tạo ra những điều kiện địa chính trị cần thiết để sản sinh ra một thế lực lớn áp đảo cả trên đất liền lẫn trên biển.

Ít lâu sau khi Chiến tranh thế giới thứ Nhất kết thúc, Mackinder cho xuất bản cuốn sách *Các lý tưởng dân chủ và hiện thực: Nghiên cứu chính trị học tái thiết* (1919), có thể được coi là công trình quan trọng nhất về chính trị quốc tế từng được viết bởi một nhà địa lý học. Theo Mackinder, vị trí địa lý tối ưu là vị trí kết hợp được tính chất hải đảo với các nguồn lực lớn, và đó chính là vị trí của “hòn đảo thế giới”. Các nhà chiến lược, theo ông, “cần phải chấm dứt việc nghĩ về châu Âu tách rời với châu Á và châu Phi. Châu Âu đã trở thành, hoặc nói một cách khác là một khối thống nhất, một khối địa lý rộng lớn nhất trên địa cầu” (2). Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất, nếu như nước Đức chinh phục được nước Nga và Pháp, thì nó đã có thể thiết lập được sức mạnh biển của mình trên một cơ sở rộng lớn hơn bất cứ cơ sở nào trong lịch sử, và quả thực đó sẽ là một cơ sở rộng lớn nhất có thể có được. Mặc dù nước Đức đã thất bại, nhưng Mackinder vẫn cảnh báo: “Liệu chúng ta có nên thôi tính đến một khả năng là một ngày nào đó, một bộ phận lớn của Đại Châu lục có thể được thống nhất lại dưới một thế lực duy nhất, và liệu đó có thể sẽ là một cường quốc biển bất khả chiến bại được xác lập trên đó không? (...) Đó sẽ là mối đe dọa cuối cùng đối với nền tự do của thế giới”.

Vị trí địa lý có ý nghĩa nhất về mặt chiến lược của hòn đảo thế giới là miền đất trái tim, được Mackinder mô tả như là “*một mảnh đất liền lớn ở phía bắc và trung tâm lục địa [Á-Âu] (...) trải dài từ bờ biển băng giá và bằng phẳng của vùng Sibiri đến những bờ biển nhiệt đới dọc đường của xứ Baluchistan^(*) và xứ Ba Tư*” (2).

Bản đồ địa chính trị thế giới theo quan điểm của Mackinder



FONT: Knox, p. 391

- Dòng chữ “Pivot area”: “Khu vực trung” – tức “Miền đất trái tim”;
- Dòng chữ “Inner or marginal crescent”: “Vòng cung/vành đai mép trong”;
- Dòng chữ “Lands of outer or insular crescent”: “Những miền đất thuộc vòng cung/vành đai mép ngoài hay vành đai biển đảo”. (Nguồn: Wikipedia).

Học thuyết của Mackinder đã có ảnh hưởng rất mạnh đến các cường quốc trong hai cuộc chiến tranh thế giới cũng như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh và kéo dài cho đến tận ngày nay. Người ta cho rằng lý thuyết của ông luôn đúng ở vị trí hàng đầu trong tư tưởng quân sự của phương Tây. Các nhà chiến lược

^(*) Còn được gọi là Balochistan, nay là một tỉnh cực Tây của Pakistan (NVD).

phương Tây cuối thế kỷ XX vẫn tiếp tục nhìn thế giới bằng con mắt của Mackinder từ đầu thế kỷ. Trong cuốn sách *Kế hoạch trò chơi [Game Plan]* (1986) và *Bàn cờ lớn [The Grand Chessboard]* (1997), Zbigniew Brzezinski đã trình bày cái nhìn toàn cầu gần như hoàn toàn dựa trên các khái niệm của Mackinder. Trong công trình *Nghề ngoại giao [Diplomacy]* (1994), Henry Kissinger đã kết luận bằng lời cảnh báo rằng “Nước Nga, bất kể do ai lãnh đạo, đang ngồi dang chân vững chãi trên vùng lãnh thổ mà Halford Mackinder đã gọi là miền đất trái tim địa chính trị” (2). Tư tưởng của Mackinder đã ngấm sâu vào tư duy của cả giới sử học phương Tây, chẳng hạn như nhà sử học người Đức Treitschke cũng tuyên bố: châu Âu luôn là trung tâm của thế giới, và chúng ta có thể dự đoán rằng trong tương lai nó sẽ vẫn như thế. Ở Việt Nam, chắc cũng không ít người cho rằng lý thuyết của Mackinder cho đến nay vẫn “còn nguyên ý nghĩa thực tiễn”^(*). Thậm chí, trong quan niệm của nhiều người, lý thuyết của Mackinder tỏ ra quan trọng đến nỗi, mặc dù thuật ngữ “địa chính trị” là do Kjellén phát minh ra, nhưng nhiều người vẫn cho rằng Mackinder là “cha đẻ của bộ môn địa chính trị” (xem ví dụ trên), hoặc coi ông là một trong “những người sáng lập ra học thuyết về địa chính trị”^(**).

Tuy nhiên, cần lưu ý là mặc dù học thuyết Mackinder là học thuyết chính

trị thế giới dưới góc độ địa lý, nhưng, như ông công nhận ở cuối bài báo nổi tiếng năm 1904, ông đã thận trọng tránh thái độ quyết định luận địa lý (tuyệt đối hoá sự quyết định của địa lý), mà ông xác định rõ rằng: “Sự cân bằng thế lực chính trị ở bất cứ thời điểm nào (...) cũng đều là kết quả, một mặt của các điều kiện địa lý, kinh tế và cả chiến lược, mặt khác là của số lượng tương đối, tinh thần dũng cảm, trang thiết bị và tính tổ chức của một dân tộc” (2).

Nhưng dù thế nào thì việc Mackinder phân tích sâu sắc các điều kiện địa lý trên bàn cờ chính trị thế giới cũng đã làm cho học thuyết của ông được quan tâm chủ yếu dưới góc độ địa lý học chính trị hoặc địa chính trị.

4. Tư tưởng địa chính trị Đức với sự nổi lên của nước Đức Quốc xã

Nói đến tư tưởng địa chính trị Đức là nói đến các lý thuyết địa chính trị đặc thù của nước Đức ở nửa đầu thế kỷ XX, liên quan chặt chẽ đến chủ nghĩa bành trướng của Đế chế Đức thời bấy giờ, Đặc biệt là Đế chế Đức Quốc xã. Vì thế, trong các ngôn ngữ châu Âu, người ta thích dùng nguyên văn thuật ngữ này bằng tiếng Đức “Geopolitik” để giữ nguyên những đặc điểm riêng của nó.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, một loạt các nhà lý thuyết địa chính trị đã tiếp tục phát triển tư tưởng của Kjellén để đưa ra những học thuyết hoặc quan điểm địa chính trị phục vụ cho quan hệ đối ngoại và chính sách phát triển của một quốc gia, nhiều học thuyết không còn chỉ tập trung chú ý vào châu Âu, mà đã đưa tầm nhìn vượt ra ngoài châu lục này để mở rộng ra các châu lục khác, trong đó có cả châu Phi. Đặc biệt, quan niệm về không gian sinh tồn của một quốc gia đã trở thành một

(*) Đó là quan điểm của Nguyễn Việt Thảo trong bài: “Tư duy địa chính trị thế giới thời kỳ sau ‘Chiến tranh Lạnh’”. *Tạp chí cộng sản điện tử*, số 90-2005 (www.tapchicongsan.org.vn), tr.1.

(**) Nguyễn Đình Luân. Đôi nét về địa-chính trị ở châu Á sau Chiến tranh Lạnh. <http://www.day.edu.vn.mht>, ngày 6/4/2010.

quan niệm chủ chốt của nhiều đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, nhất là Đế quốc Đức.

Sở dĩ quan niệm về không gian sinh tồn tìm thấy sự ảnh hưởng mạnh đối với nước Đức là vì nước này từ trước đến lúc đó vẫn coi mình là nước đông dân và không có khả năng tự túc tự cấp. Nó cho rằng để tồn tại, nó phải mở rộng lãnh thổ. Đúng lúc đó, cái quan niệm về không gian sinh tồn của Ratzel và quan niệm động vật hoá quốc gia của Kjellén đã xuất hiện như là một cơ sở lý thuyết khoa học có khả năng biện minh cho mọi hành động bành trướng của một quốc gia. Với tư cách giống như một loài động vật, việc một quốc gia bành trướng lãnh thổ là hoàn toàn tự nhiên.

Quan niệm trên đây, cộng với quan niệm về miền đất trái tim của Mackinder, đã ảnh hưởng rất mạnh đến các học giả châu Âu ở nửa đầu thế kỷ XX, trong đó phải kể đến hai vị tướng Đức Karl Haushofer và Friedrich von Bernhardi. Đặc biệt là Haushofer nhấn mạnh đến yếu tố vùng đệm và chính sách tự túc tự cấp của một quốc gia, nhất là đối với một nước có mật độ dân cư cao như Đức. Quan điểm này đã ảnh hưởng trực tiếp đến đường lối chính trị bành trướng của nước Đức Quốc xã sau đó và Haushofer trở thành linh hồn của tư tưởng địa chính Đức thời Quốc xã.

Karl Haushofer (1869-1946) là một nhà địa chính trị người Đức và là một vị tướng của Đế chế Đức từ thời Chiến tranh thế giới thứ Nhất. Sau khi nước Đức thất bại trong cuộc chiến này, Haushofer vỡ mộng và đến năm 1919 ông giải ngũ với quân hàm thiếu tướng.

Sau khi giải ngũ, Haushofer gia nhập giới học viện với mục đích khôi phục và tái sinh nước Đức. Ông cho

rằng nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của nước Đức trong chiến tranh chính là việc người Đức thiếu kiến thức về địa lý và thiếu ý thức địa chính trị. Từ đó khoa học chính trị và địa lý trở thành các lĩnh vực chuyên môn của ông. Cũng trong năm 1919 ông trở thành phó giáo sư địa lý học chính trị tại Đại học Munchen. Trong thời gian này ông kết thân với chàng sinh viên cứng của mình là Rudolf Hess, người đã trở thành trợ lý khoa học của ông và thông qua Hess mà tư tưởng của ông sau này đã ảnh hưởng mạnh đến chiến lược bành trướng của Adolf Hitler, mặc dù Haushofer luôn phủ nhận sự ảnh hưởng trực tiếp của mình đối với chế độ Quốc xã. Đến năm 1933 ông được công nhận hàm giáo sư. Sau khi chế độ Quốc xã được thiết lập, Haushofer vẫn giữ tình thân với Hess, người đã trở thành phó quốc trưởng Đức, nhân vật thứ ba trong Đế chế Đức, chỉ sau Hitler và Goering. Chính Hess đã che chở cho Haushofer và bảo vệ vợ ông, người bị coi là lai Do Thái, khỏi trở thành nạn nhân của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và bài Do Thái của Hitler.

Haushofer đã phát triển tư tưởng địa chính trị Đức từ các nguồn lý thuyết khác nhau. Tư tưởng địa chính trị Đức đã đóng góp cho chính sách đối ngoại của nước Đức Quốc xã chủ yếu là về địa chiến lược và những sự biện minh cho *Lebensraum* [không gian sinh tồn]. Nó đưa ra năm ý tưởng cho chính sách đối ngoại Đức trong thời kỳ giữa hai cuộc đại chiến:

1. Quốc gia như một cơ thể sinh học.
2. Không gian sống.
3. Chính sách tự túc tự cấp.
4. Khu vực liên lãnh thổ [t. Anh: "pan-regions"].

5. Tình trạng lưỡng phân cường quốc đất liền/cường quốc biển.

Địa chính trị, với tư cách là một khoa học chính trị, vừa mang tính mô tả vừa mang tính phân tích giống như địa lý học chính trị, nhưng nó bổ sung thêm một yếu tố quy phạm trong các quy định chiến lược của nó cho chính sách quốc gia. Trong khi một số ý tưởng của Haushofer xuất phát từ các lý thuyết địa chính trị trước đó của Hoa Kỳ và Anh, thì địa chính trị Đức chỉ tiếp thu cái quan điểm duy bản chất để phục vụ cho lợi ích quốc gia, đơn giản hoá các vấn đề và tự coi nó là một phương thuốc bách bệnh. Với tư cách là một hệ tư tưởng mới và duy bản chất, địa chính trị đã trở thành một nỗi ám ảnh đối với tình trạng mất an ninh của dân chúng trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất.

Địa vị của Haushofer tại Đại học Munchen đã trở thành một bộ phận để ông truyền bá tư tưởng địa chính trị của ông. Năm 1922 ông thành lập Viện Địa chính trị tại Munchen, và từ đây ông bắt đầu công bố các ý tưởng địa chính trị của mình. Năm 1924, với tư cách là thủ lĩnh của trường phái tư tưởng địa chính trị Đức, ông đã lập ra tờ nguyệt san *Zeitschrift für Geopolitik* ["Tạp chí địa chính trị"] để chuyên bàn về địa chính trị.

Vượt ra ngoài phạm vi là một khái niệm kinh tế, "khu vực liên lãnh thổ" cũng là một khái niệm chiến lược. Haushofer công nhận khái niệm chiến lược "miền đất trái tim" do nhà địa chính trị người Anh Mackinder đưa ra. Nếu nước Đức có thể kiểm soát được Đông Âu và sau đó là lãnh thổ nước Nga, thì nó có thể kiểm soát được một khu vực chiến lược để loại bỏ cường quốc biển thù địch. Vì thế nước Đức đã liên

minh với Italia và Nhật Bản để tăng cường khả năng kiểm soát chiến lược của nó đối với lục địa Á-Âu, trong khi hai quốc gia đó sẽ trở thành những cánh tay hải quân bảo vệ cho vị trí biển đảo của nước Đức. Đó là những ảnh hưởng đáng kể của Haushofer cho tư tưởng địa chính trị Đức.

Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, nước Đức đã hành động như là một quốc gia đòi xét lại hệ thống quốc tế, bằng việc nó cố tìm cách lật đổ sự thống trị của nước Anh, cố chống lại thế lực đang nổi lên của Hoa Kỳ và địa vị bá chủ của nước Nga. Với tư cách là kẻ đến sau trong ván bài quốc tế và trong tình trạng thiếu thuộc địa hoặc thị trường cho sản phẩm công nghiệp, trong khi đó lại phải chịu cảnh dân số tăng nhanh, nước Đức đã muốn có một sự phân bố lại của cải và lãnh thổ một cách công bằng hơn trong hệ thống quốc tế, và chính sau thất bại của nước Đức trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất mà các khái niệm của địa chính trị mới tái xuất hiện. Được sự hậu thuẫn của các học thuyết địa chính của Ratzel, Kjellén, Mackinder và Haushofer, Hitler đã tiến hành một cuộc chiến tranh tàn khốc với ý định chiếm lĩnh toàn bộ lục địa Á-Âu.

Hitler rất tâm đắc với khái niệm *Lebensraum* của các nhà địa chính trị Đức, khái niệm này đã trở thành động cơ chính cho chiến dịch xâm lược lãnh thổ của nước Đức Quốc xã. Hitler đã kết hợp quan điểm về *Lebensraum* với học thuyết riêng của y là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và với học thuyết Darwin xã hội. Y tuyên bố rằng lịch sử loài người là một cuộc đấu tranh không bao giờ kết thúc. Vì thế việc nước Đức cần phải được mở rộng không gian sinh tồn cũng là lẽ tự nhiên.

(xem tiếp trang 30)